

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày 19/7/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Thìn và ông Đặng Bên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2021 và ngày 19 tháng 7 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2021 đối với bị cáo:

PHAN PHÚ T (Tên gọi khác: R), sinh năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan N, con bà Võ Thị Thanh H; vợ: Phạm Thị Như Th (đã ly hôn); con: 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**” tại Bản án số 41/2017/HSST, đến ngày 14/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 02/3/2021 đến nay, bị cáo đang giam có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Phạm Thị Kiều M, sinh năm 1992, có mặt.

Chỗ ở hiện nay: Số A đường TB, TDP 1, thị trấn C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Tấn H (tên gọi khác: HT), sinh năm 1995, vắng mặt;

Nơi cư trú: thôn TA, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Anh Đặng Văn Ph, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1979, vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Phú T, sinh năm 1993 ở thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là T) và Phạm Thị Kiều M, sinh năm 1992 trú tại xã BT, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi trước đây có thời gian yêu thương nhau, nhiều lần T đưa tiền mặt cho chị M từ 200.000đồng đến 300.000đồng rồi nhờ chị M chuyển tiền vào tài khoản của T bằng dịch vụ chuyển tiền qua điện thoại di động, mỗi lần chị M chuyển tiền thì T ở bên cạnh chị M nên nhìn thấy chị M nhập mật khẩu Mobile Banking V của tài khoản tài khoản XXXX001087475 của Ngân hàng V cũng như biết chị M sử dụng số thuê bao YYYY422010 để đăng ký nhận mã xác thực OTP từ dịch vụ Mobile Banking V của tài khoản XXXX001087475.

Khoảng 20 giờ ngày 07/6/2020, T đến quán Karaoke E tại thôn TA, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để hát Karaoke cùng bạn bè thì T gọi điện thoại cho chị M cùng đến chơi. Trong lúc hát Karaoke tại đây, T đã mượn điện thoại di động của chị M để chụp hình; trong quá trình sử dụng điện thoại của chị M thì T phát hiện trên nền giao diện điện thoại di động có ứng dụng Mobile Banking của Ngân hàng V và bản thân T đã biết mật khẩu của ứng dụng Mobile Banking của tài khoản chị M nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản trong tài khoản V của chị M. Do đó, lợi dụng việc chị M ngồi chơi không để ý, T đã lén lút lấy cây tăm tre (loại tăm xĩa răng) dùng để ăn trái cây có sẵn tại trên bàn phòng Karaoke nhấn vào lỗ khe sim điện thoại của chị M, sau khi khe sim điện thoại bung ra thì T lấy sim điện thoại thuê bao YYYY422010 của chị M ra và tráo đổi sim điện thoại của T bỏ vào khe sim điện thoại của chị M. Khi bị cáo vừa tráo đổi xong sim điện thoại thì chị M thấy T ấn vào khe sim thì chị M lấy lại điện thoại và bỏ về (lúc này chị M không biết T đã tráo sim điện thoại của mình). Ngay sau khi chị M bỏ về thì T cũng nhanh chóng rời khỏi quán Karaoke và đi về nhà. Tại nhà T, T đã lấy thẻ sim điện thoại của chị M nói trên lắp vào máy điện thoại di động của T, vào phần mềm Mobile Banking V, đăng nhập vào tài khoản ngân hàng XXXX001087475 của chị M, T thấy tài khoản ngân hàng XXXX001087475 của chị M có số dư hơn 45.000.000đồng nên đã sử dụng lệnh chuyển tiền, sử dụng mã xác thực OTP gửi về số thuê bao YYYY422010 đang được T sử dụng để lén lút chuyển số tiền 45.000.000đồng có trong tài khoản ngân hàng XXXX001087475 của chị M đến tài khoản V của Phan Phú T là AAAA000461245 để chiếm đoạt.

Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, sau khi chiếm đoạt số tiền 45.000.000đồng nêu trên, T đã liên lạc bằng ứng dụng mạng xã hội Zalo với Đặng Văn Ph, sinh năm 1984; trú tại: thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi là chủ Cửa hàng kinh doanh điện thoại TP có địa chỉ tại thôn H, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để mua điện thoại di động loại Iphone XI với giá 16.900.000đồng, vì thẻ rút tiền tự động (thẻ ATM) của T bị hư không thể rút tiền mặt từ trụ ATM nên

T có ý thực hiện 03 lệnh chuyển tiền từ tài khoản V của T là AAAA000461245 đến tài khoản V của anh Ph là BBBB0000008979 với tổng số tiền là 30.000.000đồng với mục đích nhận lại tiền mặt thừa 13.100.000đồng từ anh Ph để tiêu xài; sau khi thực hiện Lệnh chuyển tiền mua điện thoại từ anh Ph xong thì khoảng 22 giờ cùng ngày T đến nhà nghỉ BT thuộc thôn TA, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi gặp Lê Tân H, tên gọi khác “HT”, sinh năm 1995; trú tại: thôn TA, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để nói chuyện và rủ H chơi trò chơi trực tuyến trên điện thoại di động, vì tài khoản của H không có tiền để nạp card điện thoại chơi trò chơi trực tuyến nên T cho H 1.000.000đồng bằng cách T đã thực hiện 01 lệnh chuyển tiền từ tài khoản V của T là AAAA000461245 đến tài khoản V của Lê Tân H là CCCC000068774 để H nạp tiền vào trò chơi trực tuyến để chơi cùng T. Ngày 08/6/2020, T đến gặp anh Ph tại Cửa hàng điện thoại TP để nhận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XI và tiền thừa 13.100.000đồng; Trong ngày 07/6/2020 và ngày 08/6/2020 T liên tục dùng tài khoản V của T là AAAA000461245 liên kết với trò chơi trực tuyến trên điện thoại di động thực hiện nhiều lần việc nạp tiền với số tiền 13.700.000đồng; số tiền này chuyển đến tài khoản của ai, tại ngân hàng nào T không biết rõ. Ngày 09/7/2020, T đến gặp anh Ph tại Cửa hàng điện thoại TP để bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XI đã mua trước đó với giá bán là 16.000.000đồng, lúc này T biết được chị M đã báo Công an nên T bỏ trốn đến huyện NT, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 09/6/2020, sau khi nhận được tin báo của chị M Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 45.000.000đồng trong tài khoản AAAA000461245 Ngân hàng V của T nhưng tài khoản của T chỉ còn số tiền 300.000đồng, T đã tiêu xài hết số tiền 44.700.000đồng nên Cơ quan điều tra đã không thu hồi được số tiền này.

Mặc dù, bị cáo biết bản thân đang bị truy nã nhưng T cố tình trốn tránh ở huyện NT, tỉnh Quảng Nam không về đầu thú; đến Tết Nguyên đán năm 2021 T lén lút về nhà tại thôn C, xã N, huyện B và ngày 02/3/2021 thì Cơ quan Cảnh sát điều tra phát hiện và bắt được Phan Phú T theo Lệnh truy nã.

Tại Bản Cáo trạng số 32/CT-VKS, ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Phan Phú T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Phan Phú T về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Phú T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự:

Phạm Thị Kiều M yêu cầu Tài bồi thường số tiền 45.000.000đồng, riêng đối với phí chuyển tiền 2.200đồng chị M không yêu cầu; vì bị cáo chưa bồi thường số tiền chiếm đoạt nói trên cho bị hại nên yêu cầu của bị hại là có căn cứ, vì vậy đề

ng nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc Phan Phú T có trách nhiệm bồi thường số tiền 45.000.000đồng cho chị M.

Vật chứng vụ án:

- Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phong tỏa số tiền 300.000đồng trong tài khoản Ngân hàng V số AAAA000461245 của T đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

- 01 thẻ sim điện thoại loại Nanosim, có chữ “4Gmobifone”, số 8401181212000797WD của T dùng để đánh tráo sim của Phạm Thị Kiều M được Phạm Thị Kiều M giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, niêm phong đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu cho tiêu hủy.

- Đối với cây tăm tre (loại dùng để xỉa răng) mà T sử dụng để lấy thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010, T khai đã vứt bỏ sau khi lấy thẻ sim nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010 của Phạm Thị Kiều M mà Phan Phú T đã đánh tráo nêu trên, T khai đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với điện thoại di động của T dùng để gắn thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010 thực hiện việc trộm cắp tiền của Phạm Thị Kiều M nêu trên, T khai đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch ở huyện NT, tỉnh Quảng Nam để lấy tiền tiêu xài nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở truy tìm nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về những vấn đề có liên quan khác:

- Đối với anh Đặng Văn Ph là Chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại TP, khi thực hiện việc mua bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XI, anh Ph không biết số tiền T sử dụng mua điện thoại nêu trên do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh Ph là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Đối với anh Lê Tấn H, T cho anh H số tiền 1.000.000đồng, anh H không biết số tiền này do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý đối với anh H là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Ý kiến bào chữa, tranh luận của bị cáo: Bị cáo không có tranh luận gì về điều luật áp dụng, tội danh, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện

kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên thu thập và người tham gia tố tụng khác cung cấp là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.2] Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, bị cáo Phan Phú T khai nhận hành vi phạm tội như sau: Trước đây giữa bị cáo và bị hại có thời gian yêu thương nhau, bị cáo nhiều lần đưa tiền mặt cho bị hại từ 200.000đồng đến 300.000đồng để nhờ bị hại chuyển tiền bằng điện thoại di động vào tài khoản Ngân hàng V (gọi tắt là V) của bị cáo từ ứng dụng Mobile Banking (là dịch vụ ngân hàng trực tuyến, giúp khách hàng quản lý tài khoản, thực hiện các giao dịch một cách nhanh chóng thông qua các thiết bị kết nối internet như điện thoại, laptop, máy tính bàn), những lần bị hại vào ứng dụng Mobile Banking thì bị cáo đều ở bên cạnh bị hại nên nhìn thấy rồi biết mật khẩu của ứng dụng Mobile Banking tài khoản V của bị hại.

Khoảng 20 giờ ngày 07/6/2020, tại Quán Karaoke E ở thôn TA, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có bị cáo, bị hại và một số người khác chơi tại đây; quá trình ngồi chơi bị cáo mượn điện thoại di động của chị M để chụp hình, khi sử dụng điện thoại di động của bị hại thì bị cáo nhìn thấy trên nền giao diện điện thoại của bị hại có ứng dụng Mobile Banking của V, bản thân bị cáo đã biết mật khẩu của ứng dụng Mobile Banking của V của bị hại cũng như biết bị hại sử dụng số điện thoại số thuê bao YYYY422010 để nhận mã OTP từ V nếu bị cáo lấy được sim điện thoại của thuê bao YYYY422010 thì bị cáo có thể chiếm đoạt được tiền trong tài khoản V của bị hại nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

Do đó, bị cáo lợi dụng việc chị M đang ngồi chơi, không để ý đến việc bị cáo sử dụng điện thoại của chị M thì bị cáo đã lén lút đánh tráo sim điện thoại của bị hại; ngay sau đó bị cáo về nhà lắp sim điện thoại của bị hại vào điện thoại của bị cáo để truy cập vào ứng dụng Mobile Banking của tài khoản V của bị hại và thực hiện lệnh chuyển số tiền 45.000.000đồng từ tài khoản XXXX001087475 của V – Chi nhánh QN của bị hại qua tài khoản AAAA000461245 V – Chi nhánh DQ của bị cáo và chiếm đoạt toàn bộ số tiền nói trên.

Toàn bộ lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời nhận tội của bị cáo; lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố.

Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có sử dụng bất kỳ loại công nghệ cao nào tấn công vào tài khoản V của bị hại, chiếm quyền điều hành tài khoản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên hành vi của bị cáo không đủ yếu tố để cấu thành “*Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện*

điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” được quy định tại Điều 290 Bộ luật hình sự; mà bị cáo đã hành vi như đã khai nhận trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét tính chất, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực nhận thức, điều khiển hành vi nhưng xem thường pháp luật; hành vi phạm tội do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa bàn xã T nói riêng và huyện B nói chung; sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn, dù biết bản thân đang bị truy nã nhưng bị cáo không đầu thú và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho quá trình điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra, kéo dài thời gian giải quyết vụ án nên cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[2.3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng cụ thể có ông ngoại Võ T được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì và mẹ là hội viên Hội cựu thanh niên xung phong nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về nhân thân: Ngày 15/8/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 12 tháng tù về tội “***Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản***” tại Bản án số 41/2017/HSST, đến ngày 14/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích. Hội đồng xét xử thấy rằng bản thân bị cáo đã từng có thời gian chấp hành án phạt tù nhưng không tu chí, hướng thiện, ăn năn hối cải mà coi thường pháp luật. Do đó, cần cách ly bị cáo Phan Phú T ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian học tập, rèn luyện, tu dưỡng bản thân trở thành người công dân sống có ích, ngăn ngừa tái phạm cũng như thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phan Phú T chiếm đoạt của bị hại số tiền 45.000.000đồng và đến nay chưa bồi thường, bị hại Phạm Thị Kiều M yêu cầu Phan Phú T bồi thường số tiền 45.000.000đồng là đúng quy định của pháp luật, riêng đối với phí chuyển tiền 2.200đồng chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử cần tuyên buộc Phan Phú T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại chị Phạm Thị Kiều M số tiền 45.000.000đồng.

[2.6] Về xử lý vật chứng:

[2.6.1] Ngày 08/6/2020 bị hại có đơn trình báo sự việc chiếm đoạt tài sản của bị cáo; ngày 09/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài khoản đối với số tiền 45.000.000đồng trong tài khoản ngân hàng AAAA000461245 của

Phan Phú T nhưng tài khoản của Phan Phú T chỉ còn số tiền 300.000đồng Phan Phú T đã tiêu xài hết số tiền 44.700.000đồng, Hội đồng xét xử cần tiếp tục phong tỏa số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) trong tài khoản AAAA000461245 Ngân hàng V – Chi nhánh DQ của Phan Phú T để đảm bảo thi hành án.

[2.6.2] 01 thẻ sim điện thoại loại Nanosim, có chữ “4Gmobifone”, số 8401181212000797WD của T dùng để đánh tráo sim của Phạm Thị Kiều M được Phạm Thị Kiều M giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ, niêm phong, đây là công cụ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử cần tuyên cho tiêu hủy.

[2.6.3] Đối với cây tăm tre (loại tăm xia răng) mà T sử dụng để lấy thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010, T khai đã vứt bỏ; đối với thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010 của Phạm Thị Kiều M mà Phan Phú T đã đánh tráo T khai đã vứt bỏ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đều không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.6.4] Đối với điện thoại di động của T dùng để gắn thẻ sim điện thoại số thuê bao YYYY422010 thực hiện việc trộm cắp tiền của Phạm Thị Kiều M nêu trên, T khai đã bán cho một người đàn ông không rõ lai lịch ở huyện NT, tỉnh Quảng Nam để lấy tiền tiêu xài nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở truy tìm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7] Về những vấn đề có liên quan khác:

[2.7.1] Đối với anh Đặng Văn Ph là Chủ cửa hàng kinh doanh điện thoại TP, khi thực hiện việc mua bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XI, anh Ph không biết số tiền T sử dụng mua điện thoại nêu trên do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Ph là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.7.2] Đối với anh Lê Tấn H, T cho anh H số tiền 1.000.000đồng, H không biết số tiền này do T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh H cũng như không buộc anh H giao nộp số tiền 1.000.000đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn: Về đề nghị áp dụng pháp luật; tội danh; hình phạt chính; hình phạt bổ sung; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mức hình phạt; trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng mức hình phạt chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử cần xử phạt mức phạt hình phạt cao hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn đề nghị để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Xét ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo:*

Về ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo không có tranh luận gì nên không xét.

Về lời nói sau cùng của bị cáo: Lời nói sau cùng của bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử xem xét

giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo tương ứng với tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) (45.000.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Phú T phạm tội: ***“Trộm cắp tài sản”***.

Xử phạt: Phan Phú T **02 (Hai) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 02/3/2021.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tuyên buộc bị cáo Phan Phú T có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Phạm Thị Kiều M số tiền 45.000.000đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106; 129 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

4.1 Tiếp tục phong tỏa số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) trong tài khoản AAAA000461245 Ngân hàng V – Chi nhánh DQ của chủ tài khoản Phan Phú T, sinh năm 1993, địa chỉ nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thi hành án.

4.2 Cho tiêu hủy 01 thẻ sim điện thoại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra niêm phong có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/7/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên buộc Phan Phú T có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 2.250.000đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm đối với phần quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Công an; VKS; CCTHA huyện Bình Sơn;
- UBND xã N (Thay Thông báo);
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên, đóng dấu)

Lê Quốc Phong